

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN
TỈNH TN

Số: 80/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VN, ngày 05 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 115/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

Trú tại: Xóm C, xã L, huyện VN, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Dương Minh T1, sinh năm 1972;

Trú tại: Xóm C, xã L, huyện VN, tỉnh TN.

Hiện đang cải tạo tại đội 22, phân trại số 6, trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công An.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội ban hành Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa : Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Minh T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Minh T1 thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:**

- Cháu Dương Sỹ Nguyên , sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Giao cháu Dương Tú Quyên, sinh ngày 02/10/2005 cho chị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quyên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

***Về cấp dưỡng nuôi con:** Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về quyền đi lại thăm con chung:** Anh T1 có quyền đi lại thăm con chung.

***Về tài sản chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Giao cho chị Nguyễn Thị T quản lý sử dụng, định đoạt số tài sản gồm:

+Thửa đất số 63 diện tích 142m² và thửa đất số 528 diện tích 135m² tờ bản đồ số 100; địa chỉ thửa đất: Tại xóm C, xã L, huyện VN, tỉnh TN; mục đích sử dụng: Đất bằng trồng cây hàng năm khác Ngày 14/1/2013 Ủy ban nhân dân huyện VN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông bà Nguyễn Thị T và ông Dương Minh T1.

+ 01 (một) ngôi nhà xây hai tầng tổng diện tích sử dụng 100m² được xây dựng thửa đất số 528 diện tích 135m² tờ bản đồ số 100.

- Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trích chia cho anh Dương Minh T1 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). (Số tiền trích chia chị T sẽ có trách nhiệm giao cho anh T1 sau khi anh T1 mãn hạn tù trở về địa phương).

- **Về khoản nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số 0005042 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9

luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện VN;
- VKSND tỉnh TN;
- UBND phường; xã ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Huyền

